TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày 07-5-2018
V/v tranh chấp về ly hôn, về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trang Thái Châu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lâm Văn Trưởng;
2. Ông Trần M Kha.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Tiến Danh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp về ly hôn, về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Tuyền A, sinh năm 1991. có mặt.
Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: anh Lê Minh L, sinh năm 1989. vắng mặt.
Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng B.
Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Võ Nhật Duy C, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện Bến Cầu. vắng mặt.
Địa chỉ: khu phố X1, thị trấn Y1, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-3-2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyền A trình bày: Chị và anh Lê Minh L tự nguyện sống chung vào năm 2006, đến năm 2009 đăng ký kết hôn và được UBND xã Y, huyện Bến Cầu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 114 ngày 19-8-2009. Vợ chồng

sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tính, ngoài ra anh L còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và ly thân từ tháng 7-2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh L.

- Về con chung: Chị và anh L có hai con chung tên Lê Công M, sinh ngày 29-8-2007 và Lê Thị Gia N, sinh ngày 25-12-2013, hiện cả hai đang sống với anh L. Theo đơn khởi kiện, chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung. Tuy nhiên, hiện nay chị thường xuyên đi làm, không có ai phụ giúp chăm sóc con chung nên chị thoả thuận với anh L, giao hai con chung cho anh L nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh L không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh L nợ Ngân hàng B – Phòng giao dịch huyện Bến Cầu (gọi tắt ngân hàng) số tiền gốc 31.200.000 đồng. Ngoài ra, không còn nợ ai khác. Chị yêu cầu chia hai số nợ, mỗi người trả 15.600.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho ngân hàng.

Bị đơn anh Lê Minh L đã khai: Về quan hệ hôn nhân đúng như lời trình bày của chị A. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên ly thân từ tháng 01-2019 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên anh chấp nhận yêu cầu ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Tuyền A.

- Về con chung: Anh và chị A có hai con chung tên Lê Công M, sinh ngày 29-8-2007 và Lê Thị Gia N, sinh ngày 25-12-2013, hiện cả hai đang sống với anh. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, cháu N, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh và chị A không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh và chị A có nợ ngân hàng số tiền 31.200.000 đồng. Ngoài ra, không còn nợ ai khác. Anh yêu cầu chia hai số nợ, mỗi người trả 15.600.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho ngân hàng.

Đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Võ Nhật Duy C đã khai:

Ngày 19-3-2015, hộ gia đình anh Lê Minh L và chị Nguyễn Thị Tuyền A vay số tiền 12.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 66000000703677xxx với lãi suất trong hạn 0,8%/tháng, lãi suất quá hạn 1,04%/tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07-3-2020, mục đích để xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường. Đến ngày 03-3-2017, anh L, chị A tiếp tục vay của ngân hàng số tiền 30.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 6600000709537xxx với lãi suất

trong hạn 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn 0,975%/tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07-02-2022, mục đích để chăn nuôi bò sinh sản.

Sau khi vay anh L, chị A đã trả 4.800.000 đồng của phần tiền gốc 12.000.000 đồng, trả 6.000.000 đồng của phần tiền gốc 30.000.000 đồng. Do đó, anh L, chị A còn nợ phần tiền gốc của khoản vay ngày 19-3-2015 là 7.200.000 đồng; nợ phần tiền gốc của khoản vay ngày 03-3-2017 là 24.000.000 đồng, tổng cộng nợ gốc còn lại của hai khoản vay là 31.200.000 đồng, đối với tiền lãi thì anh L, chị A đã trả xong đến ngày 07-5-2019. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh L, chị A đã vi phạm mục đích sử dụng vốn vay (đã bán bò sinh sản nên không còn để chăn nuôi). Do đó, ngân hàng yêu cầu chấm dứt hai hợp đồng, yêu cầu anh L và chị A cùng có nghĩa vụ trả số tiền gốc còn nợ 31.200.000 đồng và tính tiền lãi kể từ ngày 08-5-2019 theo mức lãi suất trong hợp đồng cho đến khi trả xong nợ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng qui định pháp luật. Bị đơn và đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 xét xử vắng mặt bị đơn, người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo qui định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Kiểm sát viên chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 27, 37, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyền A đối với anh Lê Minh L; giao con chung cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng; về tài sản chung không yêu cầu nên không giải quyết.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Buộc chị A và anh L cùng có trách nhiệm liên đới trả tiền gốc 31.200.000 đồng và tiền lãi theo 02 hợp đồng tín dụng, trong đó mỗi người có nghĩa vụ trả 1/2 số tiền nợ.

Về án phí: Buộc chị A và anh L phải chịu án phí; ngân hàng không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Tuyền A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh giải quyết việc hôn nhân giữa chị Cẩm và anh Lê Minh L, anh L có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đồng

thời, ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập. Theo quy định tại Điều 26, Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu. Trong quá trình giải quyết, anh Lê M L và ông Nguyễn Võ Nhật Duy C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L và ông C.

[2] Về hôn nhân: Chị A và anh L sống chung vào năm 2006, đến năm 2009 đăng ký kết hôn và được UBND xã Y, huyện Bến Cầu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 114 ngày 19-8-2009 là hôn nhân hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chị A và anh L thống nhất là do nghi ngờ tình cảm và không còn hợp nhau về tính tình. Tòa án tiến hành hòa giải để tạo điều kiện hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh L có đơn đề nghị hoà giải, xét xử vắng mặt và chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A. Xét thấy tình trạng vợ chồng giữa chị A và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A.

[3] Về con chung: Chị A và anh L thống nhất có hai con chung tên Lê Công M, sinh ngày 29-8-2007, Lê Thị Gia N, sinh ngày 25-12-2013 và thoả thuận giao hai con chung cho anh L nuôi dưỡng, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ ngày ly thân đến nay, anh L chăm sóc cháu M và cháu N đảm bảo điều kiện về vật chất, tinh thần và theo nguyện vọng của cháu M muốn sống với anh L nên giao cháu L và cháu N cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo qui định Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận anh L không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị A và anh L không yêu cầu nên Toà án không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị A, anh L và ngân hàng thống nhất chị A, anh L nợ ngân hàng số tiền gốc 31.200.000 đồng theo hai hợp đồng tín dụng số 660000007036771xx và hợp đồng tín dụng số 66000007095372xx. Quá trình thực hiện hợp đồng, do chị A và anh L vi phạm mục đích sử dụng vốn vay, do đó, ngân hàng yêu cầu chấm dứt hai hợp đồng và yêu cầu chị A, anh L cùng có nghĩa vụ trả số tiền gốc còn nợ 31.200.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 467 Bộ luật Dân sự. Do đó, buộc chị A và anh L cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ngân hàng số tiền gốc còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 66000000703677157 là 7.200.000 đồng, trong đó mỗi người có nghĩa vụ trả 3.600.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng từ ngày 08-5-2019 cho đến khi trả nợ xong; trả cho ngân hàng số tiền gốc còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 6600000709537240 là 24.000.000 đồng, trong đó mỗi người trả 12.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng cho đến khi trả nợ xong.

[6] Về án phí: Chị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ngân hàng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 27, 37, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 466, 467 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyền A đối với anh Lê Minh L. Chị A được ly hôn với anh L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Công M, sinh ngày 29-8-2007 và Lê Thị Gia N, sinh ngày 25-12-2013 cho anh Lê Minh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh L không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở chị A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Chị A và anh L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B – Phòng giao dịch huyện Bến Cầu. Buộc chị A và anh L cùng có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng B – Phòng giao dịch huyện Bến Cầu số tiền gốc còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 660000007036771xx là 7.200.000 đồng, trong đó mỗi người có nghĩa vụ trả 3.600.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng từ ngày 08-5-2019 cho đến khi trả nợ xong; trả số tiền gốc còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 66000007095372xx là 24.000.000 đồng, trong đó mỗi người trả 12.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng cho đến khi trả nợ xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Bến Cầu, nếu chị A, anh L chưa trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng chị A, anh L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ sau ngày 08 tháng 5 năm 2019 đối với khoản nợ còn phải thi hành cho đến khi trả xong, theo mức lãi suất thoả thuận trong hai hợp đồng tín dụng số: 660000007036771xx ngày 19-3-2015 và 6600000709537xx ngày 03-3-2017.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyền A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 780.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, cho khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0021885 ngày 12-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, chị A còn phải chịu 780.000 (bảy trăm tám mươi nghìn) đồng. Anh Lê Minh L phải chịu 780.000 (bảy trăm tám mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng B – Phòng giao dịch huyện Bến Cầu không phải nộp tiền tạm ứng án phí.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị Tuyền A có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Minh L và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Bến Cầu có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trang Thái Châu